

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HS-ST
Ngày 06 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Quang Vinh.

Ông Vy Văn Hợp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 10 và ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2019/TLST-HS, ngày 06 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 9 năm 2019 và theo Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 2088/TB-TA, ngày 28 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lý Văn B, sinh ngày 10/8/1992 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn Đ; con bà: Hoàng Thị T1; vợ: Vi Thị S; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện C từ ngày 30/5/2019 đến ngày 05/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Hoàng Văn T1, sinh ngày 08/5/1990 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn

giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T2; con bà: Hoàng Thị A; vợ: Hứa Thị H; con: Có 01 con, lớn sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện C từ ngày 30/5/2019 đến ngày 05/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Vi Văn M, sinh ngày 12/12/1972 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vi Văn U; con bà: Hoàng Thị N; vợ: Lãng Thị P; con: Có 03 con, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội Đánh bạc tại bản án số: 53/2014/HSPT ngày 13/8/2014; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện C từ ngày 30/5/2019 đến ngày 05/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Đàm Văn H1, sinh ngày 15/8/1974 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đàm Văn H2; con bà: Hoàng Thị S; vợ: Nông Thị T; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện C từ ngày 30/5/2019 đến ngày 05/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nông Thành H, sinh ngày 27/9/1998 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn D; con bà: Vi Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện C từ ngày 30/5/2019 đến ngày 05/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Lý Văn V, sinh ngày 01/9/1986 tại huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn T1; con bà: Ngô Thị Đ; vợ: Chu Thị Thu G; con: Có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm

hành chính; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện C từ ngày 30/5/2019 đến ngày 05/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Chu Văn K, sinh ngày 03/10/1982 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn X; con bà: Lâm Thị S; vợ: Vi Thị H1; con: Có 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện C từ ngày 30/5/2019 đến ngày 05/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Chu Văn T1, sinh ngày 05/10/1987 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn X; con bà: Lâm Thị S; vợ: Đặng A M; con: Có 01 con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện C từ ngày 30/5/2019 đến ngày 05/6/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. Lý Văn T2, sinh ngày 08/6/1986 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn T3; con bà: Chu Thị N1; vợ: Vi Thị T; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện C từ ngày 31/5/2019 đến ngày 06/6/2019 được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. Chu Văn T2, sinh ngày 20/7/1985 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn H1; con bà: Hoàng Thị T2; vợ: Lộc Thị H; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện C từ ngày 31/5/2019 đến ngày 06/6/2019 được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 11/9/2019; có mặt.

11. Chu Văn H2, sinh ngày 21/3/1982 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm

ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Quốc T; con bà: Vi Thị H2; vợ: Phùng Thị T; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện C từ ngày 31/5/2019 đến ngày 06/6/2019 được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 11/9/2019; có mặt.

12. Vy Văn L, sinh ngày 06/01/1986 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vy Văn S; con bà: Phùng Thị K; vợ: Chu Thị N2; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện C từ ngày 01/6/2019 đến ngày 07/6/2019 được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

13. Thái Đình H1, sinh ngày 19/5/1976 tại huyện Đ, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thái Đình H2; con bà: Lê Thị B; vợ: Trịnh Thị S; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/6/2019; có mặt.

14. Lý Văn C, sinh ngày 28/6/1988 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Hải K; con bà: Chu Thị B1; vợ: Vi Thị N; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/6/2019; trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là Đảng viên sinh hoạt tại Chi bộ thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng từ ngày 11/9/2019; có mặt.

15. Lý Văn T4, sinh ngày 26/5/1988 tại huyện Chi L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn P; con bà: Hoàng Thị D; vợ: Hoàng Thị B; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2017; tiền án,

tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/6/2019; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nông Văn T, sinh năm 1982; có mặt.

2. Chị Chu Thị B2, sinh năm 1984; vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1962; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 40 phút ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại gia đình anh Nông Văn T, chị Chu Thị B2 ở thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, các đối tượng Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C, Lý Văn T4 đang thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền tại hai chiếu bạc thì bị Công an huyện C bắt quả tang. Tổng số tiền thu giữ 17.915.000 đồng (mười bảy triệu chín trăm mười năm nghìn đồng). Trong đó: Thu tại chiếu thứ nhất 7.690.000 đồng (bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng); chiếu thứ hai 10.225.000 đồng (mười triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Vật chứng thu giữ gồm: 02 bộ bài tú lơ khơ có 36 quân (không có quân 10, J, Q, K); 01 chiếu nhựa màu vàng - cam có họa tiết và 01 thảm xóp màu xanh có họa tiết nhiều màu.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội: Trưa ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại phòng khách của gia đình anh Nông Văn T, sau khi các bị cáo ăn cơm giỗ bố anh T xong không ai bảo ai cùng nhau đánh bạc bằng hình thức ba cây sát phạt nhau bằng tiền. Việc các bị cáo đánh bạc không hỏi ý kiến của vợ chồng anh Nông Văn T. Trong quá trình đánh bạc các đối tượng đánh bạc ra vào liên tục, không xác định được gồm những ai và cũng không xác định được ai là người đứng ra tổ chức, chuẩn bị dụng cụ là chiếu, bài tú lơ khơ để đánh bạc. Do làm thợ xây thuê cho anh Nông Văn T nên thấy anh T đang tiếp khách ở ngoài sân thì Vi Văn M đến xin ứng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), Chu Văn T1 cũng vay anh Nông Văn T 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), việc ứng tiền và vay tiền anh Nông Văn T không biết các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Anh

Nông Văn T biết các bị cáo đánh bài nhưng không biết là đánh bài vui hay đánh bài ăn tiền vì bận tiếp khách ở ngoài sân. Đến 16 giờ 40 cùng ngày thì bị Công an huyện C bắt quả tang cùng tang vật. Trong quá trình đánh bạc, các bị cáo đặt cửa thấp nhất là 10.000 đồng và cao nhất là 100.000 đồng. Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc như sau: Lý Văn B có 340.000 đồng; Hoàng Văn T1 có 460.000 đồng; Vi Văn M có 2.800.000 đồng; Đàm Văn H1 có 560.000 đồng; Nông Thành H có 296.000 đồng; Lý Văn V có 600.000 đồng; Chu Văn K có 600.000 đồng; Chu Văn T1 có 294.000 đồng; Lý Văn T2 có 70.000 đồng; Chu Văn T2 có 200.000 đồng; Chu Văn H2 có 200.000 đồng; Vy Văn L có 200.000 đồng; Thái Đình H1 có 300.000 đồng; Lý Văn C có 200.000 đồng; Lý Văn T4 có 40.000 đồng.

Hình thức đánh bạc: Lấy một bộ bài tú lơ khơ 52 quân, sau đó bỏ quân bài 10, J, Q, K ra, còn lại quân bài A (át) và quân bài từ 2 đến 9. Một người cầm chương tráo đều bài rồi chia cho mỗi người 03 lá, sau đó mỗi người tự cộng điểm của 3 lá bài với nhau, trong đó quy định lá bài A (át) là 1 điểm, các lá bài từ 2 đến 9 được tính điểm bằng chính số in trên lá bài. Sau khi cộng điểm của 3 lá bài, lấy hàng chục làm tròn số và điểm tối đa cao nhất là 10, ví dụ: Bài có quân A, quân 2, quân 7 là $1 + 2 + 7 = 10$ điểm; bài có quân 3, quân 8, quân 9 là $3 + 8 + 9 = 20$ điểm (được tính là 10 điểm); bài có quân 2, quân 4, quân 5 là $2 + 4 + 5 = 11$ điểm (được tính là 1 điểm); bài có ba quân 9 là $9 + 9 + 9 = 27$ điểm (được tính là 7 điểm); bài có ba quân át là $1 + 1 + 1 = 3$ điểm..., sau đó mọi người so sánh điểm với người cầm chương, nếu người cầm chương thấp điểm hơn thì sẽ phải trả số tiền tương ứng cho những người đặt cửa; nếu người cầm chương cao điểm hơn thì sẽ được ăn số tiền những người khác đặt cửa. Trong trường hợp nhiều người cùng có số điểm bằng nhau thì chất rô được quy định là lớn nhất sau đó đến chất cơ, chất bích và chất nhép. Cụ thể: A (át) rô là lớn nhất, sau đó đến 9 rô và 2 rô là nhỏ nhất trong hàng rô. Đối với hàng cơ, hàng bích, hàng nhép thì 9 là lớn nhất sau đó đến 8 và A (át) là nhỏ nhất. Trong các trường nêu trên thì người có bài chất rô lớn sẽ thắng người có bài chất rô nhỏ hơn và người thắng người có bài cơ, bích, nhép và tương tự đối với bài cơ, bích và nhép cũng tính như vậy. Sau mỗi ván nếu nhiều người đặt cửa cùng có điểm số là 10 thì người cầm chương sẽ chuyển chương cho người có điểm 10 cao nhất và chia bài đánh ván tiếp theo.

Cáo trạng số: 62/CT-VKSCL ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C và Lý Văn T4 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C và Lý Văn T4 đều khẳng định các bị cáo bị truy tố về tội đánh bạc là đúng, không oan. Về thời gian, địa điểm, số người tham gia đánh bạc, hình thức đánh bạc như nội dung của Cáo trạng là đúng. Đối với số tiền đánh bạc, các bị cáo khai ngoài số tiền các bị cáo có để sử dụng đánh bạc thì các bị cáo còn dùng tiền của các đối tượng khác đã tham gia đánh bạc trước đó để đánh bạc nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm với tổng số tiền thu trên chiếu bạc và thu trên người các bị cáo khi bị bắt quả tang. Khi đánh bạc không có ai là người khởi xướng, không ai rủ ai, không xác định được ai là người chuẩn bị bộ bài để đánh bạc, không được sự đồng ý của chủ nhà và chủ nhà không biết các bị cáo đánh bạc được thua bằng tiền. Các bị cáo đánh bạc tại hai chiếu độc lập, trong đó chiếu thứ nhất có 07 bị cáo: Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Vy Văn L; chiếu thứ hai có 09 bị cáo: Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Chu Văn H2, Thái Đình H1, Lý Văn C, Lý Văn T4 và Vy Văn L. Trong đó, bị cáo Vy Văn L tham gia đánh bạc tại cả hai chiếu bạc và ông Hoàng Văn P không tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi xem.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nông Văn T khai: Ngày 30 tháng 5 năm 2019, gia đình anh mời một số anh em, bạn bè đến ăn giỗ. Sau khi mọi người ăn cơm xong vào trong nhà, còn anh tiếp tục tiếp khách ở ngoài sân, có vào nhà một lần nhưng không biết các bị cáo đánh bạc thắng thua bằng tiền, khi lực lượng Công an bắt quả tang anh mới biết các bị cáo đánh bạc tại gia đình. Đối với số tiền 2.000.000 đồng anh ứng tiền công cho bị cáo Vi Văn M là đúng nhưng anh không biết bị cáo sử dụng để đánh bạc, còn việc bị cáo Chu Văn T1 khai vay của anh 200.000 đồng thì anh không nhớ. Trong số vật chứng thu giữ có 01 chiếc chiếu, 01 thảm xóp là của gia đình anh do giá trị sử dụng đã hết nên anh yêu cầu Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C và Lý Văn T4 phạm tội Đánh bạc.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 50; 58; 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đối với bị cáo Lý Văn T2, Vy Văn L, Chu Văn K, Chu Văn T1, Đàm Văn H1.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 50; 58; 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đối với các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Nông Thành H, Lý Văn V, Thái Đình H1, Lý Văn T4.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 50; 58; 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo đối với bị cáo Vi Văn M.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 50; 58; 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Chu Văn H2.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 50; 58; 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Chu Văn T2.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17; 50; 58; 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lý Văn C.

Đề nghị xử phạt: Các bị cáo Lý Văn T2, Chu Văn K, Chu Văn T1, Đàm Văn H1 từ 06 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vy Văn L, Nông Thành H, Lý Văn V, Thái Đình H1, Vi Văn M, Lý Văn T4 từ 07 tháng đến 13 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Bị cáo Chu Văn T2, Chu Văn H2, Lý Văn C: Phạt tiền mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 17.915.000 đồng. Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ có 36 quân (không có quân 10, J, Q, K), 01 chiếc nhựa và 01 tấm xốp.

Phản tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C và Lý Văn T4 đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện: Hồi 16 giờ 40 phút ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại gia đình anh Nông Văn T, chị Chu Thị B2 ở thôn B, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C và Lý Văn T4 đang thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh ba cây được thua bằng tiền tại hai chiếu bạc thì bị Công an huyện C bắt quả tang. Tổng số tiền thu giữ xác định các bị cáo dùng để đánh bạc là 17.915.000 đồng (mười bảy triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng). Trong đó: Chiếu bạc thứ nhất thu trên chiếu số tiền 3.010.000 đồng (ba triệu không trăm mười nghìn đồng; thu trên người các bị cáo| Hoàng Văn T1 440.000 đồng (bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), Vi Văn M 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng), Đàm Văn H1 1.040.000 đồng (một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc tại chiếu thứ nhất xác định được là 7.690.000 đồng (bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Chiếu bạc thứ hai thu trên chiếu số tiền 7.450.000 đồng (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng); thu trên người các bị cáo Nông Thành H 246.000 đồng (hai trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), Hoàng Văn P 1.043.000 đồng (một triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng), Lý Văn V 1.375.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), Chu Văn K 1.150.000 đồng (một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), Chu Văn T1 4.000 đồng (bốn nghìn đồng), tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc tại chiếu thứ hai xác định được là 10.225.000 đồng (mười triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C và Lý Văn T4 phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Cáo trạng số: 62/CT-VKSCL, ngày 04/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý

Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C và Lý Văn T4 về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, gây mất an ninh, trật tự của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được đánh bạc là vi phạm pháp luật, là một trong những tệ nạn xã hội nhức nhối, phức tạp, bị xã hội lên án nhưng để thỏa mãn nhu cầu sát phạt lẫn nhau bằng tiền và hơn hết là vì mục đích háms lợi nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, các bị cáo phải chịu hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về vai trò đồng phạm của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm trong trường hợp giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, chuẩn bị từ trước mà nảy sinh đánh bạc sau khi ăn com, uống rượu xong, không xác định được ai là người khởi xướng nhưng cần phải đánh giá vai trò của từng bị cáo khi đánh bạc để quyết định hình phạt tương xứng với hành vi đó. Số tiền của từng bị cáo sử dụng để đánh bạc không đủ cơ sở để xác định như các bị cáo đã khai vì trước đó còn có các đối tượng khác đánh bạc nhưng không xác định được. Các bị cáo đánh bạc tại hai chiếu bạc độc lập nhau nên chỉ phải chịu trách nhiệm với số tiền đánh bạc tại chiếu bạc mình tham gia. Vụ án có 15 bị cáo, trong đó có bị cáo Vy Văn L tham gia đánh bạc tại hai chiếu nên phải chịu trách nhiệm tương ứng với số tiền sử dụng đã đánh bạc tại hai chiếu bạc, xác định bị cáo là người có vai trò chính của vụ án. Chiếu bạc thứ hai tổng cộng có 09 bị cáo tham gia (bao gồm cả bị cáo Vy Văn L), sử dụng số tiền để đánh bạc nhiều hơn chiếu bạc thứ nhất nên các bị cáo tại chiếu bạc thứ hai phải chịu trách nhiệm nặng hơn. Đối với chiếu bạc thứ hai các bị cáo tham gia đánh bạc từ đầu phải chịu trách nhiệm cao hơn gồm có Chu Văn K, Chu Văn T1, Chu Văn H2, Thái Đình H1; các bị cáo tham gia đánh bạc sau có vai trò ít nghiêm trọng hơn gồm có Nông Thành H, Lý Văn V, Lý Văn C, Lý Văn T4. Đối với chiếu bạc thứ nhất tổng cộng có 07 bị cáo tham gia (bao gồm cả bị cáo Vy Văn L), các bị cáo tham gia từ đầu phải chịu trách nhiệm cao hơn gồm có Vi Văn M, Đàm Văn H1, Lý Văn T2, Chu Văn T2; các bị cáo tham gia đánh bạc sau có vai trò ít nghiêm trọng hơn gồm có Hoàng Văn T1, Lý Văn B.

[6] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý

Văn C, Lý Văn T4 không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C, Lý Văn T4 phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự nên là người có nhân thân tốt. Bị cáo Vi Văn M đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội Đánh bạc tại bản án số: 53/2014/HSPT ngày 13/8/2014, bị cáo đã được xóa án tích nhưng là người có nhân thân không tốt.

[8] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C, Lý Văn T4 không có tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C, Lý Văn T4 đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đàm Văn H1 có bố đẻ là ông Đàm Văn H2 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo Chu Văn T1, Chu Văn K có bố đẻ là ông Chu Văn X có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn tặng Bằng khen; các bị cáo Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L đã đến cơ quan Công an đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân, do vậy các bị cáo Đàm Văn H1, Chu Văn T1, Chu Văn K, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Chu Văn H2 có nhiều thành tích trong sản xuất và công tác tại địa phương được Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân xã V, huyện Chi Lăng tặng nhiều Giấy khen do vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vi Văn M thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã chấp hành tốt nghĩa vụ của công dân tại nơi cư trú, đóng góp đầy đủ các khoản quỹ, các khoản chính sách tại địa phương nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Xét thấy: Bị cáo Vi Văn M có nhân thân không tốt nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đủ điều kiện được án treo và không thuộc các trường hợp không cho hưởng án treo; đối với các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn T4 tuy thực hiện

hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ những phân tích trên thấy không cần phải bắt các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn T4 phải chấp hành hình phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định vừa đảm bảo tính giáo dục, tính răn đe đối với các bị cáo; việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phù hợp với các quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Các bị cáo Chu Văn T2, Chu Văn H2, Lý Văn C tuy thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, trước khi thực hiện hành vi đánh bạc là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, có nhiều đóng góp cho việc xây dựng, phát triển tại địa phương nơi các bị cáo cư trú, các bị cáo có đủ điều kiện về kinh tế để thi hành án khi quyết định hình phạt chính là hình phạt tiền do đó cần xử áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo là phù hợp với chính sách của pháp luật, đồng thời thể hiện được tính khoan hồng của Đảng và Nhà nước, tuy vai trò của các bị cáo khi thực hiện hành vi và tình tiết giảm nhẹ áp dụng với từng bị cáo là khác nhau nhưng các bị cáo cùng có thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp nên cần áp dụng mức hình phạt như nhau.

[11] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Lý Văn B, Nông Thành H, Lý Văn T4 là người dân tộc thiểu số, sống trên địa bàn đặc biệt khó khăn; các bị cáo Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Lý Văn V, Lý Văn T2, Vy Văn L, Chu Văn K thuộc hộ nghèo, cận nghèo; các bị cáo Đàm Văn H1, Chu Văn T thu nhập chủ yếu từ nông nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo vì không có khả năng thi hành án, điều này phù hợp với kết quả xác minh của Cơ quan điều tra Công an huyện C. Đối với bị cáo Chu Văn T2, Chu Văn H2, Lý Văn C đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung.

[12] Đối với anh Nông Văn T, chị Chu Thị B2 là chủ nhà không biết các bị cáo sử dụng nơi ở hợp pháp của nhà mình để đánh bạc được thua bằng tiền; anh Hoàng Văn P có mặt khi bắt quả tang nhưng không tham gia đánh bạc nên không xem xét xử lý về hình sự.

[13] Đối với các đối tượng đã tham gia đánh bạc trước đó đã bỏ chạy khi Công an bắt quả tang do không có thông tin cụ thể nên không thể điều tra xác minh.

[14] Về vật chứng: Đối với số tiền 17.915.000 đồng (mười bảy triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng) là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 02 bộ bài tú lơ khơ; 01 chiếc chiếu; 01 tấm xốp là những công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[15] Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về tội danh, về hình phạt đối với các bị cáo Vi Văn M, Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C, Lý Văn T4 và đề nghị về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[15] Về án phí: Do các bị cáo Vi Văn M, Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C, Lý Văn T4 bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Nông Thành H, Lý Văn V, Thái Đình H1, Lý Văn T4.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Vi Văn M, Đàm Văn H1, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Vy Văn L.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 35, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Chu Văn T2.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 35, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Chu Văn H2.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 35, 50, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Lý Văn C.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C, Lý Văn T4 phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lý Văn B 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T1 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Vi Văn M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Đàm Văn H1 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Nông Thành H 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lý Văn V 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Chu Văn K 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Chu Văn T1 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lý Văn T2 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Chu Văn T2 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Chu Văn H2 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Vy Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Thái Đình H1 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Lý Văn C 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lý Văn T4 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 06 tháng 11 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Xử lý vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 17.915.000 đồng (mười bảy triệu chín trăm mười lăm ngàn đồng).

Tịch thu, tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ có 36 quân (không có quân 10, J, Q, K), 01 chiếc nhựa màu vàng, cam có họa tiết và 01 tấm xốp màu xanh có họa tiết nhiều màu (theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C lập ngày 16 tháng 9 năm 2019).

4. Án phí: Các bị cáo Lý Văn B, Hoàng Văn T1, Vi Văn M, Đàm Văn H1, Nông Thành H, Lý Văn V, Chu Văn K, Chu Văn T1, Lý Văn T2, Chu Văn T2, Chu Văn H2, Vy Văn L, Thái Đình H1, Lý Văn C, Lý Văn T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hình sự để nộp ngân sách nhà nước.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hương Giang